

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B án số: 88/2021/DS -ST

Ngày 23/8/2021

V/v tranh chấp về nghĩa vụ phát sinh từ
chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang –Thư ký TAND thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà
Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở TAND thành phố B xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm
2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXX-DS ngày 04/7/2021,
Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST-DS ngày 04/8/2021giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thân Văn B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh
năm 1972; Địa chỉ: Thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B. (Ông B, bà T
đều có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Thân Thị Cẩn, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn Sòi, xã Đồng Sơn,
thành phố B, tỉnh B. (Bà Cẩn có mặt)

3. *Người làm chứng:*

- Ông Không Đ T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn,
thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đồng, xã Tân Mỹ, thành
phố B, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành
phố B, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Đồng Quan, xã Đồng
Sơn, thành phố B, thành phố B. (Vắng mặt)

4. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Thân Văn B: Ông Triệu Hạnh Hiền – Luật sư văn phòng luật sư Triệu Hiền, Đoàn luật sư tỉnh B. (Ông Hiền có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Thân Văn B và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Ông Thân Văn D (bố đẻ ông B, bố chồng bà T) được cụ Thân Bá K (là bác ruột của ông D và là bố của bà Thân Thị Cẩn) nuôi dưỡng từ năm 11 tuổi và nhận làm con nuôi. Năm 1979, cụ K ốm nặng có gọi gia đình đến họp giao cho ông D lo liệu cho cụ K và giao cho ông D quản lý sử dụng toàn bộ nhà mà cụ K để lại và thờ cúng sau này. Sau khi ông D mất đã giao lại toàn bộ nhà đất này cho vợ chồng ông B, bà T quản lý và trông coi.

Năm 1981, bà Cẩn có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K. Tại B án số 28/1981/DS-PT ngày 4/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc đã chia toàn bộ di sản thừa kế, theo đó bà Cẩn được chia “02 gian nhà gỗ lim, 02 gian nhà bếp, 01 phản khuôn tranh, 1228 viên gạch vuông lát sân, 2592 viên gạch chỉ xây bao quanh (2 đoạn tường), 95 viên ngói móc, 01 bộ cửa nhà trên kể cả khung cửa, 01 giường gỗ cánh quạt, 01 bàn uống nước và 04 ghế ba lan trị giá số tiền trên là 11.378 đồng và được thu hoạch toàn bộ cây cối trên thửa đất 1 sào”. Sau khi B án có hiệu lực, bà Cẩn bỏ mặc tài sản được chia, không đến lấy, cũng không yêu cầu ông bà phải trả lại các tài sản mà bà Cẩn được chia theo B án số 28 trên. Ông B, bà T tuy đều biết B án số 28 nhưng không thấy cơ quan nào đến yêu cầu thi hành B án số 28 trên nên không biết phải trả lại nhà cho ai, như T nào. Ông B, bà T vẫn liên tục sinh sống tại 04 gian nhà gỗ lim, trông coi, bảo quản phần di sản bà Cẩn được chia theo B án số 28 trên từ năm 1981 đến tháng 7/2020 (khi bà Cẩn yêu cầu thi hành bản án số 55/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B) là 39 năm (tương đương 468 tháng).

Tại đơn khởi kiện và B tự khai ngày 16/10/2020, ngày 26/10/2020, tại Biên B lấy lời khai ngày 27/10/2021, ông B, bà T yêu cầu bà Cẩn trả ông bà tổng số tiền là 468.000.000 đồng là chi phí sửa chữa và tiền công sức trông coi, gìn giữ, bảo quản 02 gian nhà của bà Cẩn trong thời gian 39 năm, bao gồm:

- Chi phí lợp lại ngói, tổng số 9 lần. Tổng chi phí hết: 75.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lần 1 là tháng 9/1982, tổng chi phí là 5.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 2.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 3.000.000 đồng.

+ Lần 2 là tháng 9/1985, tổng chi phí là 6.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 2.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 4.000.000 đồng.

+ Lần 3 là tháng 8/1988, tổng chi phí là 7.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 2.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 5.000.000 đồng.

+ Lần 4 là tháng 8/1991, tổng chi phí là 7.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 2.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 5.000.000 đồng.

+ Lần 5 là tháng 9/1998, tổng chi phí là 10.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 4.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 6.000.000 đồng.

+ Lần 6 là tháng 9/2004, tổng chi phí là 10.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 4.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 6.000.000 đồng.

+ Lần 7 là tháng 9/2007, tổng chi phí là 10.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 4.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 6.000.000 đồng.

+ Lần 8 là tháng 9/2010, tổng chi phí là 10.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 4.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 6.000.000 đồng.

+ Lần 9 là tháng 9/2016, tổng chi phí là 10.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu (ngói) là 4.000.000 đồng, tiền trả công thợ là 6.000.000 đồng.

- Chi phí lát lại nền nhà (bao gồm cả lợp lại ngói), tổng số 02 lần. Tổng chi phí hết: 109.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lần 1 là tháng 1/1995, tổng chi phí là 27.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu gồm có: 2.000.000 đồng tiền ngói, 8.000.000 đồng tiền gạch, 5.000.000 đồng tiền cát, 6.000.000 đồng tiền xi măng. Tiền trả công thợ là 6.000.000 đồng (tiền công cả lát nền và lợp lại ngói).

+ Lần 2 là tháng 9/2013, tổng chi phí là 82.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu gồm có: 20.000.000 đồng tiền gạch hiện nhà và nền nhà, 4.000.000 đồng tiền cát, 6.000.000 đồng tiền xi măng. Tiền trả công thợ: công lát nền là 10.000.000 đồng, công lợp lại ngói là 6.000.000 đồng. Ngoài ra, chi phí sơn lại nhà, tiền sơn và công sơn là 36.000.000 đồng.

- Chi phí chất lại tường tháng 9/2001, tổng chi phí là 35.000.000 đồng. Trong đó, tiền mua nguyên vật liệu là 4.000.000 đồng tiền ngói, 5.000.000 đồng tiền cát, 10.000.000 đồng tiền xi măng. Tiền trả công thợ là 16.000.000 đồng (tiền công chất tường là 10.000.000 đồng và lợp lại ngói là 6.000.000 đồng).

- Số tiền 249.000.000 đồng còn lại là tiền công sức ông B, bà T trông nom 02 gian nhà trên.

Tại Biên B lấy lời khai ngày 07/01/2021, biên B phiên họp tiếp cận kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và biên B hòa giải ngày 02/7/2021, ông B, bà T xác định số tiền 468.000.000 đồng là toàn bộ chi phí sửa chữa và tiền công trông coi, gìn giữ, bảo quản cả 04 gian nhà gỗ lim. Do vậy ông B, bà T xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: ông B và bà T yêu cầu bà Thân Thị Cẩn trả số tiền 234.000.000 đồng là toàn bộ chi phí sửa chữa và tiền công trông coi, gìn giữ, bảo quản 02 gian nhà gỗ lim mà bà Cẩn được chia theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc trong thời gian 39 năm.

Tại biên B lấy lời khai ngày 31/12/2020 và biên B lấy lời khai ngày 26/01/2021, bà Thân Thị Cẩn là bị đơn trình bày:

Bà là con cụ Thân Văn K và cụ Trịnh Thị N. Cụ K và cụ N trong quá trình chung sống có 6 người con gồm: Thân Thị Cẩn, Thân Thị Cử, Thân Thị Cương, Thân Thị Thập và có 2 người đã chết khi còn trẻ.

Cụ K sau khi cưới cụ N còn có quan hệ tình cảm với cụ Nguyễn Thị D; cụ K có 05 người con với cụ D gồm: Thân Thị Hiệp, Thân Thị Hoan, Thân Thị Núi, Thân Thị Đình và 01 người con không có vợ con gì và chết đã lâu.

Ông Thân Văn B là con ông Thân Văn D, ông D là cháu ruột của cụ K, ông D chưa bao giờ được cụ K nuôi dưỡng hay cho ở cùng.

Trước năm 1971, mẹ bà (cụ N) có mua 01 thửa đất, diện tích là 01 sào (khoảng 400m²), bố mẹ bà cùng với chồng, con bà cùng chung sống trên đất này. Năm 1979 bố mẹ bà mất, được khoảng hơn 100 ngày thì ông D và bà D đánh đuổi vợ chồng bà đi để ông D và vợ là bà Phạm Thị Ngừ ở trên đất này, đến khi ông D và bà Ngừ chết thì con trai và con dâu của ông D bà Ngừ là anh B chị T quản lý sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất.

Năm 1981, bà đã khởi kiện cụ D chia thừa kế đối với đất và tài sản trên đất này, được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xét xử phúc thẩm. Tại B án số 28/1981/DS-PT ngày 4/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc đã chia toàn bộ di sản thừa kế, theo đó bà được chia “02 gian nhà gỗ lim, 02 gian nhà bếp, 01 phản khuôn tranh, 1228 viên gạch vuông lát sân, 2592 viên gạch chỉ xây bao quanh (2 đoạn tường), 95 viên ngói móc, 01 bộ cửa nhà trên kể cả khung cửa, 01 giường gỗ cánh quạt, 01 bàn uống nước và 04 ghế ba lan trị giá số tiền trên là 11.378 đồng và được thu hoạch toàn bộ cây cối trên thửa đất 1 sào”. Đối với quyền sử dụng đất thì Tòa án giao cho UBND huyện Yên Dũng, tỉnh B giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi B án số 28/1981/DS-PT ngày 4/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc có hiệu lực pháp luật, bà liên tục làm đơn đề N UBND huyện Yên Dũng giải quyết đối với quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Yên Dũng đã không giải quyết dứt điểm. Sau đó, xã Đồng Sơn sát nhập về thành phố B nhưng UBND thành phố B cũng không giải quyết dứt điểm việc tranh chấp giữa bà và vợ chồng ông B, bà T, hướng dẫn bà khởi kiện tại Tòa án.

Tại B án sơ thẩm số 02/2020/DSST ngày 14/2/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B và B án số 55/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà, tạm giao cho bà 150,5m² đất nằm trong thửa đất số 149, tờ B đồ số 40, 02 gian nhà gỗ lim, sân gạch (theo phần đất được tạm giao), 01 giếng khoan, 01 nhà tạm, khu bếp và vệ sinh 01 téc nước đã qua sử dụng cùng chân đế téc nước.

Nay ông B, bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 234.000.000 đồng là chi phí tu sửa và tiền công sức trông coi, gìn giữ, bảo quản 02 gian nhà gỗ lim (mà bà được chia theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc) từ năm 1981 đến nay thì bà không đồng ý vì ông B, bà T khởi kiện không

có cơ sở. Sau khi B án số 28/1981/DS-PT ngày 4/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc có hiệu lực pháp luật, suốt 39 năm nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông D, sau này là ông B và bà T trả “02 gian nhà” mà bà được chia nhưng ông D, ông B và bà T đều không trả bà. Suốt từ năm 1981 đến nay, bà liên tục, kiên trì đòi nhà, yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất như T nào thì thôn xóm ai cũng biết, không có việc bà bỏ mặc không đến lấy tài sản như ông B, bà T trình bày.

Thời gian ông B, bà T sống tại “02 gian nhà” mà bà được chia theo B án số 28, ông B và bà T chưa bao giờ thông báo cho bà biết và cũng không hỏi ý kiến bà có đồng ý cho sửa chữa 02 gian nhà trên không. Ông B, bà T tự ý sửa chữa chứ không được sự đồng ý của bà.

Bà có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông B, bà T trả bà số tiền 2.340.000.000 đồng là tiền ông B, bà T ở tại “02 gian nhà mà bà được chia theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc trong suốt 39 năm nay (trung bình mỗi tháng là 5.000.000 đồng và mỗi năm là 60.000.000 đồng).

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là các tài liệu sao lục từ hồ sơ dân sự phúc thẩm thụ lý số 85/2020/TLPT-DS ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tranh chấp di sản thừa kế” giữa bà Thân Thị Cẩn với ông Thân Văn B, bà Nguyễn Thị T.

* Người làm chứng ông Nguyễn Văn K trình bày: Quá trình ông B và bà T sống tại 04 gian nhà cấp 4 tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn có một vài lần nhờ ông lợp ngói cả 04 gian nhà trên giúp ông B, bà T. Ông chỉ lợp ngói giúp ông B, bà T còn nguyên vật liệu (ngói) là do ông B, bà T mua. Ông có được ông B, bà T trả tiền công nhưng ông không nhớ bao nhiêu tiền, không nhớ đã lợp ngói giúp ông B, bà T bao nhiêu lần và vào ngày tháng năm nào. Ông không biết 04 gian nhà mà ông B, bà T nhờ ông lợp ngói là của ai.

* Người làm chứng ông Khổng Đ T trình bày: Ông B và bà T trong thời gian sống tại 04 gian nhà cấp 4 tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn có mua của ông 02 lần gạch để lát nền. Ông là người trực tiếp vận chuyển gạch đến cho ông B, bà T nên biết ông B, bà T mua gạch để lát nền nhà 04 gian nhà cấp 4 trên. Do đã lâu nên ông không nhớ ông B, bà T mua gạch của ông vào ngày tháng năm nào, mua với khối lượng bao nhiêu và giá cả như T nào. Ông chỉ nhớ ông B, bà T mua gạch của ông 02 lần và đã trả đủ tiền gạch cho ông. Ông xác nhận chữ ký “T” “Khổng Đ T” tại B tự khai đánh máy đề ngày 26/10/2020 đúng là chữ ký của ông nhưng do ông B, bà T nhờ ông ký giúp thì ông ký chứ ông không nhớ nội dung văn B như T nào.

* Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông B và bà T có một lần mua xi măng, cát của ông, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông không nhớ được ông B, bà T mua những loại nguyên vật liệu gì, khối lượng bao nhiêu, ông đã

bán cho ông B, bà T bao nhiêu lần và vào thời gian nào. Ông không nhớ nguyên vật liệu là do ông chở đến hay do ông B, bà T tự chở. Ông không biết ông B, bà T mua nguyên vật liệu để xây dựng hay sửa chữa công trình gì. Ông xác nhận chữ ký “T” “Nguyễn Văn T” tại B tự khai đánh máy đề ngày 26/10/2020 đúng là chữ ký của ông nhưng do bà T nhờ ông ký giúp thì ông ký chứ ông không đọc và không biết nội dung văn B như T nào.

* Người làm chứng ông Trần Văn Đ trình bày: 05 năm trước (cụ thể ngày tháng năm nào thì ông không nhớ), ông có bán sơn và sơn nhà cho ông B và bà T. Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ bán cho ông B, bà T số lượng bao nhiêu, giá cả T nào. Toàn bộ số sơn ông bán cho ông B, bà T là để sơn 04 gian nhà cấp 4 tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn. Tiền công sơn là bao nhiêu ông không nhớ. Ông không còn bất kỳ sổ sách, hay giấy tờ gì thể hiện đã bán sơn và sơn nhà cho ông B, bà T. Ông xác nhận chữ ký “Đ” “Trần Văn Đ” tại B tự khai đánh máy đề ngày 26/10/2020 đúng là chữ ký của ông nhưng do ông B mang đến nhờ ông ký giúp thì ông ký chứ ông không nhớ nội dung văn B như T nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Thân Văn B, bà Nguyễn Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B (Luật sư Triệu Hạnh Hiên) thống nhất trình bày: ông B, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Cẩn phải thanh toán tổng số tiền 343.500.000 đồng, bao gồm 109.500.000 đồng là chi phí sửa chữa đối với 02 gian nhà và 234.000.000 đồng là tiền thù lao trông coi, giữ gìn, bảo quản 02 gian nhà trên. Ông B sống tại 04 gian nhà gỗ lim (02 gian nhà của bà Cẩn và 02 gian nhà của cụ D) từ năm 1979, bà T kết hôn và cùng chung sống với ông B tại 04 gian nhà trên từ năm 1992. Từ năm 1981 đến nay, ông B, bà T không cho ai mượn, thuê 04 gian nhà trên. Ông B, bà T không phải chủ tài sản, không có nghĩa vụ nhưng đã tự nguyện thực hiện trông coi, bảo quản, sửa chữa 02 gian nhà gỗ lim của bà Cẩn từ năm 1981 đến tháng 7/2020. Đây là việc là có lợi cho bà Cẩn. Việc trông coi, tu sửa, cải tạo 02 gian nhà gỗ lim do ông B, bà T thực hiện là “thực hiện công việc không có uỷ quyền” theo quy định tại Điều 574 Bộ luật dân sự. Bà Cẩn cho rằng ông B, bà T tự ý sửa chữa chứ không được sự đồng ý của bà nhưng đối với chi phí bỏ ra để sửa chữa bảo vệ nhà tránh hỏng, đột nát thì pháp luật không yêu cầu phải thông báo hay hỏi ý kiến, kể cả việc sửa chữa không đạt kết quả theo ý muốn thì bà Cẩn vẫn phải thanh toán theo khoản 1 Điều 576 BLDS. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 576 BLDS “Người có công việc được thực hiện phải trả cho người thực hiện công việc không có uỷ quyền một khoản thù lao khi người này thực hiện công việc chu đáo, có lợi cho mình....” nên bà Cẩn phải thanh toán tiền thù lao trông coi, giữ gìn, bảo quản

02 gian nhà cho ông B, bà T vì ông B, bà T trông nom, gìn giữ 02 gian nhà của bà Cẩn trong suốt 39 năm thì 02 gian nhà mới còn nguyên vẹn để trả lại cho bà Cẩn. Đối với yêu cầu phản tố của bà Cẩn về việc đề N Tòa án buộc ông B, bà T thanh toán trả 2.340.000.000 đồng là tiền ông B, bà T sử dụng 02 gian nhà của bà trong thời gian 39 năm là không có căn cứ. Bà Cẩn không có tài liệu gì chứng minh đối với yêu cầu này. Theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc, bà Cẩn chỉ được chia 02 gian nhà gỗ lim, không được chia đất nên thực tế 02 gian nhà gỗ lim đó không có giá trị sử dụng. Bà Cẩn cố tình không lấy tài sản nhằm mục đích cản trở ông B, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, đề N Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Cẩn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T.

* Bị đơn bà Thân Thị Cẩn trình bày: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T vì ông B, bà T sử dụng 02 gian nhà của bà suốt 39 năm không có căn cứ pháp luật. Ông B, bà T sử dụng tài sản thì phải chịu các chi phí sửa chữa. Năm 2019, khi bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 281,7m² đất và yêu cầu ông B, bà T phải trả lại 02 gian nhà trên thì ông B, bà T cũng không trả bà 02 gian nhà trên. Tháng 7/2020, bà có đơn đề N Chi cục thi hành án dân sự thành phố B thi hành B án phúc thẩm số 55/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B thì mới được nhận lại 02 gian nhà trên. Ngay sau khi nhận lại tài sản, bà đã tháo dỡ toàn bộ 02 gian nhà để xây nhà mới nên không còn 02 gian nhà trên nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn cơ B chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với những người trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông B, bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Cẩn phải trả số tiền 343.500.000 đồng là chi phí sửa chữa và tiền công sức trông coi, gìn giữ, bảo quản tài sản 02 gian nhà bà Cẩn được chia theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc trong thời gian 39 năm. Bà Cẩn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T và có yêu cầu phản tố, đề N Tòa án buộc ông B, bà T phải trả số tiền 2.340.000.000 đồng là tiền ông B, bà T sử dụng 02 gian nhà nêu trên trong suốt 39 năm. Tại phiên tòa hôm nay, ông B, bà T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B đề N Tòa án xác định quan hệ pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “thực hiện công việc không có uỷ quyền” theo quy định tại Điều 574 Bộ luật dân sự vì nguyên đơn không phải chủ tài sản, không có nghĩa vụ nhưng đã tự nguyện thực hiện trông coi, bảo quản, sửa chữa 02 gian nhà gỗ lim của bị đơn từ năm 1981 đến năm 2020, là việc là có lợi cho bị đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông B, bà T đều biết 02 gian nhà ông bà đang sử dụng là tài sản của bà Cẩn nhưng ông B, bà T vẫn chiếm hữu, sử dụng cho đến khi bà Cẩn yêu cầu Cơ quan thi hành án yêu cầu thi hành án đối với B án phúc thẩm số 55/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B nên việc ông B, bà T chiếm hữu, sử dụng 02 gian nhà của bà Cẩn là không có căn cứ pháp luật. Do vậy cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“tranh chấp về nghĩa vụ phát sinh từ chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 274, khoản 4 Điều 275 Bộ luật Dân sự. Các đương sự đều cư trú trên địa bàn thành phố B nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Trước khi Tòa án ra B án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án này.

[4]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, B tự khai ngày 16/10/2020 và ngày 26/10/2020, Biên B lấy lời khai ngày 27/10/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 468.000.000 đồng là chi phí sửa chữa và tiền công sức trông coi, gìn giữ, bảo quản tài sản 02 gian nhà gỗ lim trong thời gian 39 năm. Tại Biên B lấy lời khai ngày 07/01/2021, biên B phiên họp tiếp cận kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và biên B hòa giải ngày 02/7/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 234.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 343.500.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên

cần chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 343.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Năm 1981, bà Cẩn có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K. Tại B án số 28/1981/DS-PT ngày 4/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc thì bà Cẩn được giao 02 gian nhà gỗ lim và một số tài sản khác. Ông B, bà T cho rằng sau khi B án có hiệu lực pháp luật, bà Cẩn bỏ mặc tài sản được chia, không đến lấy, cũng không yêu cầu ông B, bà T phải trả lại các tài sản; ông B, bà T vì lợi ích của bà Cẩn nên phải tu sửa, trông coi, bảo quản 02 gian nhà của bà Cẩn suốt 39 năm để sau này trả lại cho bà Cẩn là không có căn cứ bởi ông B, bà T và cả ông D đều biết theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 4/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc thì bà Cẩn được giao những tài sản gì nhưng không chủ động trao trả tài sản cho bà Cẩn. Năm 2019, khi bà Cẩn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 281,7m² đất và yêu cầu ông B, bà T phải trả lại 02 gian nhà trên thì ông B, bà T chỉ đồng ý trả tiền cho bà Cẩn, không đồng ý trả lại 02 gian nhà trên cho bà Cẩn (thể hiện tại Biên B lấy lời khai ngày 6/9/2019 và lời khai của ông B tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/6/2020). Ông D, ông B, bà T chiếm hữu, sử dụng tài sản mà bà Cẩn được chia theo B án số 28 trên trong suốt thời gian 39 năm là không có căn cứ pháp luật. Ông B, bà T sửa chữa, bảo quản 02 gian nhà vì ông B, bà T trực tiếp sử dụng 02 gian nhà trên, không phải vì lợi ích của bà Cẩn.

[2.2] Ông B, bà T yêu cầu bà Cẩn phải trả số tiền 343.500.000 đồng, bao gồm 109.500.000 đồng là chi phí sửa chữa đối với 02 gian nhà và 234.000.000 đồng là tiền thù lao trông coi, giữ gìn, bảo quản 02 gian nhà trên nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Tại các Biên B lấy lời khai của của những người làm chứng (những người bán nguyên vật liệu và người thợ làm công mà ông B, bà T cung cấp), những người làm chứng đều không nhớ cụ thể ông B, bà T mua những loại nguyên vật liệu gì, khối lượng bao nhiêu, ông B, bà T mua thời gian nào và đã nhận của ông B, bà T bao nhiêu tiền. Bà Cẩn không được ông B và bà T thông báo, hỏi ý kiến có đồng ý cho sửa chữa 02 gian nhà trên không, cũng không được ông B, bà T thông báo về quá trình, kết quả sửa chữa. Giữa bà Cẩn và ông B, bà T không có một văn B thỏa thuận nào về việc bà Cẩn nhờ ông B, bà T trông nom, sửa nhà giúp bà Cẩn và bà Cẩn sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền sửa chữa cũng như tiền công sức trông nom 02 gian nhà trên. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải trả số tiền 2.340.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc chỉ phân chia di sản thừa kế đối với phần tài sản trên đất, còn quyền sử dụng

đất thì Tòa án không phân chia mà giao cho UBND huyện Yên Dũng, giải quyết. Bà Cẩn trình bày sau khi B án có hiệu lực pháp luật, bà Cẩn có làm đơn đề N thi hành án B án số 28 và đề N UBND huyện Yên Dũng giải quyết đối với quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu sao lục từ hồ sơ dân sự phúc thẩm thụ lý số 85/2020/TLPT-DS ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tranh chấp di sản thừa kế” chỉ thể hiện bà Cẩn có đơn đề N UBND huyện Yên Dũng giải quyết đối với quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Yên Dũng đã không giải quyết dứt điểm. Sau đó UBND xã Đồng Sơn sát nhập về UBND thành phố B, UBND thành phố trong nhiều năm cũng chưa giải quyết dứt điểm tranh chấp giữa bà Cẩn với vợ chồng ông B, bà T và hướng dẫn bà Cẩn khởi kiện tại Tòa án. Đối với phần tài sản trên đất là 02 gian nhà gỗ lim và các tài sản khác mà bà Cẩn được chia theo B án số 28 trên, bà Cẩn chưa đề N thi hành án. Chi cục Thi hành án huyện Yên Dũng đã xác nhận chưa thi hành đối với B án số 28 nói trên. Do đã hết thời hiệu thi hành án đối với quyết định của B án số 28 nói trên, năm 2019 bà Cẩn khởi kiện yêu cầu ông B, bà T phải trả lại cho bà Cẩn 02 gian nhà gỗ lim mà ông B, bà T chiếm hữu trái pháp luật. Tại B án phúc thẩm số 55/2020/DS-PT ngày 29/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định buộc ông B, bà T phải trả bà Cẩn 02 gian nhà gỗ lim.

[3.2] Ngoài ra, theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc, bà Cẩn và cụ Nguyễn Thị D mỗi người được giao cho 02 gian nhà gỗ lim và một số tài sản khác. Bà Cẩn trình bày trong thời gian ông B, bà T chiếm hữu, sử dụng trái phép 02 gian nhà gỗ lim của bà thì bà đi ở nhờ nhà bố chồng bà. Thời gian bà ở nhà bố chồng bà, bà không phải trả khoản tiền chi phí nào. Ông B sống tại 04 gian nhà gỗ lim (02 gian nhà của bà Cẩn và 02 gian nhà của bà D) từ năm 1979, bà T kết hôn và cùng chung sống với ông B tại 04 gian nhà trên từ năm 1992. Từ năm 1981 đến nay, ông B, bà T không cho ai mượn, thuê 04 gian nhà trên. Đối với 02 gian nhà của cụ D, từ khi B án số 28 có hiệu lực pháp luật cho đến khi Tòa án nhân dân thành phố B và Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tranh chấp di sản thừa kế” theo yêu cầu khởi kiện của bà Cẩn thì cụ D và các con của cụ D (bà Hiệp, bà Hoan, bà Đình, bà Núi) đều không có ý kiến gì về việc ông B và sau này là ông B, bà T sử dụng 02 gian nhà gỗ lim mà cụ D được chia. Trong quá trình giải quyết vụ án trên, bà Hiệp, bà Hoan, bà Đình, bà Núi đều nhất trí giao cho ông B, bà T hưởng phần di sản thừa kế của bà Hiệp, bà Hoan, bà Đình, bà Núi và được sử dụng 02 gian nhà gỗ lim mà cụ D được chia.

[3.3] Như vậy, không có cơ sở xác định ông B, bà T được hưởng lợi về tài sản mà ông bà chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật của bà Cẩn. Bà Cẩn tuy không được sử dụng tài sản trong thời gian dài nhưng cũng không có căn cứ chứng minh bị thiệt hại. Trường hợp nếu bà Cẩn yêu cầu thi hành B án số 28/1981/DS-PT ngày

04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc ngay sau khi B án số 28 có hiệu lực pháp luật và ông B, bà T phải trả lại 02 gian nhà cho bà Cấn thì ông B, bà T vẫn có nơi khác để ở, là 02 gian nhà mà cụ D được chia. Giữa bà Cấn, ông B, bà T không có một văn B thỏa thuận nào về việc ông B, bà T có nghĩa vụ trả tiền cho bà Cấn về việc sử dụng tài sản của bà Cấn. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Cấn.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, khoản 4 Điều 275 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 184, Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn B, bà Nguyễn Thị T về việc buộc bà Thân Thị Cấn trả số tiền 343.500.000 đồng là chi phí sửa chữa và tiền công sức trông coi, gìn giữ, bảo quản tài sản 02 gian nhà gỗ lim mà bà Cấn được chia theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc trong thời gian 39 năm.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thân Thị Cấn về việc buộc ông Thân Văn B, bà Nguyễn Thị T trả số tiền 2.340.000.000 đồng là tiền ông B, bà T sử dụng 02 gian nhà mà bà Cấn được chia theo B án số 28/1981/DS-PT ngày 04/6/1981 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc trong thời gian 39 năm.

3. Về án phí:

- Ông B, bà T phải liên đới chịu 17.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.700.000 đồng theo biên lai

số AA/2018/0001466 ngày 21/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông B, bà T còn phải liên đới nộp số tiền 5.475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà Cấn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp B án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Phương Thảo

